

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:09/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 03-06-2019

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Kim

2. Ông Hoàng Văn Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 06 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2019/TLST-HNGĐ ngày 10/12/2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25/04/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST – HNGĐ ngày 22/5/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H- Sinh năm 1983 (Có mặt)

HKTT: Thôn S, thị trấn N, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Chu Bá L- Sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Chu Bá L có thời gian gần tìm hiểu rồi tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Q vào ngày 31/01/2018. Sau khi cưới, hai vợ chồng về chung sống với nhau ngay và ở chung với gia đình anh L. Quá trình chung sống chị xác định vợ chồng không có hạnh phúc, không có tình cảm với nhau vì vợ

chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, bất đồng quan điểm. Do cảm thấy cuộc sống không có hạnh phúc nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ ngày 21/7/2018 cho đến nay. Khi chị về nhà bố mẹ đẻ ở thì anh L cũng không xuống đón gọi về, vợ chồng không liên lạc với nhau, không ai còn quan tâm tới ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con chung, về tài sản chung, công nợ, ruộng đất: Chị Trần Thị Hxác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Chu Bá L trình bày:

Anh và chị Trần Thị H kết hôn với nhau năm 2018 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn, hai bên đã có khoảng thời gian tìm hiểu. Sau khi kết hôn chị H về làm dâu gia đình nhà anh ngay, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu sau xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên tranh luận với nhau. Chị H đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 7/2018 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân từ đó, không đi lại, thăm hỏi gì nhau mặc dù hai bên gia đình đều đã động viên, hòa giải. Nay chị H xin ly hôn, anh không xác định được tình cảm vợ chồng như thế nào nên anh không có ý kiến gì về việc ly hôn này.

Về con chung, về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác: Anh xác định không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay, chị Trần Thị H vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Chu Bá L. Về con chung, tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Chu Bá L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử công bố lời khai của anh có trong hồ sơ. Chị H không có ý kiến gì về những lời khai đó.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình. Điều 28; Điều 35; Khoản 4 Điều 147, Điều 227; Điều 271, Điều 273 BLTTDS. Điểm a khoản 5 Điều

27 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.
Xử:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Trần Thị H được ly hôn anh Chu Bá L.

Án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí DSST nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

Việc chị Trần Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Chu Bá L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên toà ngày hôm nay, bị đơn anh Chu Bá L đã được triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy, cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 – Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Chu Bá L là có căn cứ.

[2] Về quan hệ vợ chồng: Chị Trần Thị H và anh Chu Bá L kết hôn với nhau ngày 31/01/2018 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Chị H đã cung cấp cho Tòa án trích lục kết hôn bản sao. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị H và anh L là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị H xin ly hôn, anh L không có ý kiến gì về việc ly hôn này. Hội đồng xét xử xét thấy: Bản thân chị H và anh L đều xác định vợ chồng đã sống ly thân, anh L đã nhận được nhận thông báo thụ lý, thông báo phiên họp, phiên hòa giải, giấy triệu tập của Tòa án nhưng anh L không lên Tòa làm việc, điều đó chứng tỏ anh L không mong muốn hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Bố đẻ anh L là ông Chu Bá C cũng xác định khả năng đoàn tụ của chị H anh L là khó. Do đó có thể thấy mâu thuẫn giữa H anh L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị Trần Thị H khởi kiện xin ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3] Về con chung, về tài sản chung, công nợ, ruộng đất: Chị Trần Thị H và anh Chu Bá L xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, chị Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, cần áp dụng các Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 56; 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Quan hệ vợ chồng: Chị Trần Thị Hường ly hôn anh Chu Bá L.

Án phí: Chị Trần Thị Hường nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền dự phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai AA/2012/05206 ngày 10/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Chị Trần Thị Hường nộp đủ án phí DSST.

Báo thời hạn kháng cáo 15 ngày cho các đương sự có mặt biết kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- UBND xã Q.
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Lương Thị Thanh Quyên

Các thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dương Văn Thi Nguyễn Thị Lại

Lương Thị Thanh Quyên

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- UBND xã Nghĩa Trung.
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Lương Thị Thanh Quyên